

Bản án số: 679/2017/HSPT
Ngày: 25/12/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thanh Bình

Các Thẩm phán:

1. Ông Phan Thanh Nguyễn
2. Ông Trần Minh Châu

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Cán bộ
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
tòa:* Bà Hoàng Thị Thanh Hà – Kiểm sát viên

Từ ngày 22 đến ngày 25/12/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 646/HSPT ngày 07/11/2017 đối với các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc N, Trần Mỹ P do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 95/2017/HSST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bị cáo kháng cáo:

1. Nguyễn Thị Ngọc N; giới tính: Nữ; sinh năm 1997, tại Thành phố Hồ Chí Minh; trú tại: Đường PCĐ, Phường E, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Không; con ông Nguyễn Mạnh L và bà Lê Thị Q; hoàn cảnh gia đình: Có chồng là A Tuấn K1 (không rõ nơi ở) và 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/5/2017 (Có mặt).

2. Trần Mỹ P; giới tính: Nữ; sinh năm 1997, tại Thành phố Hồ Chí Minh; trú tại: Đường TQ, Phường E, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Hoa; tôn giáo: Phật; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Không; con ông Trần H và bà Ngô Lạp H1; hoàn cảnh gia đình: Chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/5/2017 (Có mặt).

Người bào chữa: Ông Lê Quang V – Luật sư của Văn phòng luật sư Người Nghèo, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc N (Có mặt).

NHẬN THẤY:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận K và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận K thì nội dung vụ án được tóm tắt N sau:

Vào khoảng 21 giờ 00 phút ngày 29/4/2017, Lâm Kim MT điều khiển xe mô tô hiệu Future, biển số 70L2-7805 chở Trần Mỹ P và Nguyễn Thị Ngọc N đến trước tiệm internet CC Đường BC, Quận K để N gặp bạn tên Nguyễn Huỳnh PT hỏi mượn tiền. Do anh PT không cho mượn mà muốn rủ N đi chơi, dẫn đến N và PT cãi nhau. Sau đó, MT chở N, P về đến quán cà phê đường LLQ, Phường X, Quận K vào uống cà phê. Tại đây, MT, P, N gặp Trần Tân P1 và MT rủ P1, N, P bàn với nhau sử dụng N dàn cảnh đánh ghen, tạo cớ đánh anh PT để chiếm đoạt tài sản của anh PT bán lấy tiền tiêu xài, tất cả đồng ý. P1 nói rủ thêm QT cùng tham gia.

Tại nhà của QT, P1 và MT nói cho QT biết là tạo cớ đánh ghen nhằm chiếm đoạt tài sản của bạn N là anh PT và QT đồng ý. P1 điều khiển xe mô tô hiệu Citi biển số 52M2-4362 chở QT, MT điều khiển xe biển số 70L2-7805 chở N, P đến hẻm A đường BC, Quận K thì dừng xe để N đi bộ vào trong hẻm gọi điện thoại cho anh PT. MT, P đứng ở đầu hẻm cảnh giới. P1 và QT đứng cách MT, P khoảng 10 mét. Khoảng 22 giờ 45 phút cùng ngày, anh PT điều khiển xe mô tô biển số 51M7-5777 ra gặp và ngồi trên xe nói chuyện với N. Lúc này thấy N ra hiệu, P1 liền điều khiển xe chở QT chạy đến dừng sát xe anh PT. QT nói với PT là rủ rê người yêu của QT, rồi xuống xe dùng tay đánh anh PT. Anh PT điều khiển xe bỏ chạy, QT dùng tay kẹp cổ nhưng anh PT vẫn cho xe chạy được một đoạn thì bị kéo ngã xe và QT kẹp cổ đè anh PT xuống đường cùng P1 đánh anh PT. P1 tiếp tục nhặt cục gạch ống (loại có 02 lỗ) trên đường đánh một cái vào đầu anh PT và dùng tay lấy một điện thoại di động hiệu Nokia 1280 trong túi quần anh PT. Khi đó, có người tri hô công an nên P1 chạy lại lấy xe mô tô biển số 52M2-4362 điều khiển chở N bỏ chạy trước. MT điều khiển xe biển số 70L2-7805 chở P chạy theo sau. QT buông anh PT ra, đi lại chỗ chiếc xe biển số 51M7-5777 của anh PT bị ngã dựng lên và nổ máy xe điều khiển bỏ chạy. Thấy trên xe của anh PT để một chiếc quần sọt màu kem ở giữa ba ga xe nên QT chiếm đoạt luôn. QT điều khiển xe bỏ chạy được một đoạn thì bị rơi dép nên cho xe quay lại nhặt và thấy chiếc nón kết màu trắng của anh PT rơi trên đường nên QT chiếm đoạt rồi điều khiển xe bỏ chạy thoát. QT chạy xe về đến nhà gặp cả nhóm, sau đó QT cùng MT, P1, N, P đem chiếc xe biển số 51M7-5777 vừa chiếm đoạt của anh PT đến tiệm cầm đồ LT, Đường BH, Phường Y, Quận I, thế chấp cho anh Bùi Đình P2 (là chủ tiệm cầm đồ LT) được 800.000 đồng. MT

nhận tiền rồi giao lại cho N. N đưa cho QT 400.000 đồng để P1 chở đi mua ma túy về khách sạn GPT, đường TH, phường TTH, Quận TP cùng nhau sử dụng. N dùng 400.000 đồng còn lại để trả tiền thuê khách sạn.

Ngày 02/5/2017, anh PT đến Công an Phường B, Quận K trình báo sự việc và được lập hồ sơ chuyển giao cho Công an Quận K xử lý.

Theo kết luận định giá tài sản số 64/KLĐGTS ngày 10/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự Quận K: Chiếc xe mô tô kiểu Wave màu xanh, biển số 51M7-5777 trị giá là 2.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 màu đen trị giá 100.000 đồng, 01 quần sọt màu kem trị giá 70.000 đồng, 01 nón kết màu trắng (loại thương hiệu nón Sơn) trị giá 600.000 đồng, tổng cộng là 2.770.000 đồng.

Qua điều tra truy xét, ngày 03/5/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận K đã bắt khẩn cấp MT, QT, P1, N, P.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận K, MT, P1, QT, N và P đã khai nhận hành vi chiếm đoạt tài sản của anh PT như đã nêu trên.

Anh Bùi Đình P2 nhận thế chấp chiếc xe mô tô hiệu Citi biển số 51M7-5777 nhưng không biết xe do phạm tội mà có và đã giao nộp chiếc xe trên. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận K đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với anh P2 về hành vi cầm xe nhưng không có giấy tờ xe theo Nghị định 167/CP của Chính phủ ngày 12/11/2013 là 3.500.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 95/2017/HSST ngày 28/9/2017, Tòa án nhân dân Quận K đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc N, Trần Mỹ P phạm tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 133; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc N 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/5/2017.

Xử phạt bị cáo Trần Mỹ P 06 (sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/5/2017.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về phần hình phạt của các bị cáo khác, phần xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo của các bị cáo.

Ngày 11/10/2017, các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc N và Trần Mỹ P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo N và P khai nhận hành vi phạm tội như nội dung của bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bị cáo N và P đề nghị xem xét cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự vì đã tự thú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Căn cứ nội dung vụ án, tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ xác định các bị cáo phạm tội như bản án sơ thẩm đã xét xử. Xét thấy các bị cáo phạm tội chưa gây hậu quả nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, cả hai bị cáo N và P phạm tội nhưng với vai trò thứ yếu. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và xử phạt bị cáo N từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù, xử phạt bị cáo P từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù.

Luật sư Lê Quang V trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo N:

Luật sư thống nhất về tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo N. Tuy nhiên, luật sư đề nghị xem xét vụ án trên thuộc trường hợp phạm tội đồng phạm giản đơn, bị cáo N chỉ là đồng phạm thứ yếu. Bị cáo đã ra tự thú, tích cực giúp đỡ cơ quan có trách nhiệm điều tra tội phạm, bị cáo đang phải một mình nuôi con nhỏ 17 tháng tuổi, tài sản đã thu hồi và trả lại cho người bị hại, bị cáo đã can ngăn khi anh PT bị đánh nên đề nghị áp dụng thêm cho bị cáo N các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm o, q khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự và xử phạt bị cáo mức án nhẹ là 03 năm tù như đề nghị của Viện kiểm sát cấp sơ thẩm.

Viện kiểm sát tranh luận đối đáp:

Các bị cáo đã có sự bàn bạc, tổ chức, phân công nhiệm vụ cụ thể để thực hiện hành vi phạm tội nên đủ căn cứ xác định đây là phạm tội có tổ chức, không phải là giản đơn. Luật sư cho rằng các bị cáo ra tự thú nhưng trong hồ sơ không có tài liệu, chứng cứ gì nên không thể xem xét cho các bị cáo thuộc trường hợp tự thú. Bị cáo N là người nghiện ma túy, không trực tiếp nuôi con nhỏ nên không thể căn cứ vào lý do này để xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Luật sư tranh luận đối đáp: Đồng ý với ý kiến của Kiểm sát viên là hồ sơ không thể hiện việc bị cáo N ra tự thú nhưng thực tế là có. Nên mong Hội đồng xét xử xem xét tránh ảnh hưởng đến quyền lợi của các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, người bào chữa.

XÉT THẤY:

Các bị cáo và kiểm sát viên đều thống nhất xác định bản án sơ thẩm tuyên bố các bị cáo phạm tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 133 của Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và không có kháng cáo, kháng nghị về tội danh của các bị cáo.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định các bị cáo N và P chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, người bị hại cũng có đơn xin bãi nại cho các bị cáo và đề nghị xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, nên đã áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự và xử phạt các bị cáo N 06 năm 06 tháng tù và xử phạt bị cáo P 06 năm tù là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không xuất trình thêm được tình tiết giảm nhẹ nào mới để Hội đồng xét xử xem xét.

Về ý kiến bào chữa của luật sư, đối với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo N đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét. Riêng đối với ý kiến đề nghị xem xét cho bị cáo N tình tiết đã ra tự thú và giúp đỡ cơ quan có trách nhiệm điều tra tội phạm, thì trong hồ sơ không có tài liệu, chứng cứ thể hiện việc các bị cáo ra tự thú tại cơ quan công an, cũng như việc bị cáo thành khẩn khai báo không được xem là giúp đỡ cơ quan điều tra trong việc giải quyết vụ án. Do đó không có căn cứ để xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm o, q khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự như đề nghị của luật sư. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Ngoài ra, ngày 03/10/2017, bị cáo Trần Tân P1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng đến ngày 27/11/2017, bị cáo P1 đã rút toàn bộ kháng cáo. Bản án sơ thẩm số 25/2017/HSST ngày 28/9/2017 đối với bị cáo Trần Tân P1 có hiệu lực pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Áp dụng điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc N, Trần Mỹ P.

1. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 95/2017/HSST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc N, Trần Mỹ P phạm tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 133; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc N 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/5/2017.

Xử phạt bị cáo Trần Mỹ P 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/5/2017.

2. Mỗi bị cáo Nguyễn Thị Ngọc N, Trần Mỹ P phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- VKSND Quận K; (1)
- P.PC 53 – CA Tp.HCM; (2)
- Cục THADS Tp.HCM (1)
- Chi cục THA Quận K; (1)
- Trại giam (2)
- Bị cáo; (2)
- TAND Quận K; (2)
- Công an Quận K; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (25) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Thanh Bình